

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 31-5-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Thanh Tuấn

2. Ông Phạm Ngọc Diện

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn Đ sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn 4, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Chị Trần Thị H sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn 4, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn anh Lê Văn Đ trình bày: Anh xây dựng gia đình với chị Trần Thị H vào năm 2007, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Do thương các con nên anh đã tha thứ và tạo cơ hội cho chị H quay về với gia đình nhưng sau đó chị H không thay đổi, vẫn tiếp tục có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, không chăm lo cho gia đình. Đến tháng 12/2021 thì chị H bỏ nhà đi và vợ chồng đã ly thân cho đến nay. Anh Đ xác định không còn tình cảm với chị H nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H. Về con chung anh Đ xác định vợ chồng có 03 con chung là Lê Trần Bảo T, sinh ngày 02/02/2008; Lê Trần khánh L, sinh ngày 08/5/2011 và Lê Trần Nhã U, sinh ngày 30/12/2014. Từ khi chị H bỏ đi thì cả 03 con đều chung sống với anh, do anh trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không quan tâm đến các con. Vì vậy, khi ly hôn anh Đ yêu cầu được nuôi cả ba con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung anh Đ xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh Đ không trình bày gì thêm.

Tại Bản tự khai bị đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Đ xây dựng gia đình với nhau năm 2007, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng lý kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H đi làm môi giới bất động sản nên xảy bất hòa, vợ chồng đã bàn bạc, trao đổi để giải quyết mâu thuẫn nhưng không được nên vợ chồng đã ly thân. Do hiện nay tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Đ được ly hôn. Về con chung: chị H xác định vợ chồng có 03 con chung là Lê Trần Bảo T, sinh ngày 02/02/2008; Lê Trần khánh L, sinh ngày 08/5/2011 và Lê Trần Nhã U, sinh ngày 30/12/2014. Từ khi ly thân thì cả ba cháu vẫn sống cùng ông

bà nội. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cháu út là Lê Trần Nhã U, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị H xác định không có, về nợ chung chị H không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H vắng mặt nên không hòa giải được, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho chị H nhưng chị H không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đ, xử cho anh Đ được ly hôn với chị H. Về con chung: đề nghị giao Cháu T, cháu L cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu U cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: đề nghị buộc anh Đ phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Văn Đ vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt còn bị đơn chị Trần Thị H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 02/7/2007. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nên anh Đ làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt nhưng trong đơn ly hôn và bản tự khai anh Đ xác định do chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và hiện nay đã bỏ nhà đi không còn chung sống với anh và các con, anh Đ đã tha thứ và gọi chị H về để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau chăm sóc các con nhưng chị H

không về nên anh Đ yêu cầu ly hôn. Còn tại bản tự khai thì chị H xác định nguyên nhân mâu thuẫn do chị ra ngoài làm ăn và chị H cũng xác định không thể hàn gắn tình cảm với anh Đ nên đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ các đương sự để hòa giải nhưng chị H vắng mặt không có lý do nên không hòa giải được. Điều này chứng tỏ chị H cũng không muốn hàn gắn tình cảm với anh Đ. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Đ và chị H là do vợ chồng không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm, do không tìm được biện pháp hàn gắn nên chị H đã bỏ đi và vợ chồng ly thân từ cuối năm 2021, trong thời gian ly thân vợ chồng không còn liên lạc, không quan tâm chăm sóc nhau. Do đó, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Đ, xử cho anh Đ và chị H được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Đ và chị H có 03 con chung là Lê Trần Bảo T, sinh ngày 02/02/2008; Lê Trần Khánh L, sinh ngày 08/5/2011 và Lê Trần Nhã U, sinh ngày 30/12/2014. Khi ly hôn anh Đ yêu cầu được nuôi cả 03 con chung còn chị H yêu cầu được nuôi cháu út. Xét thấy, đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự tuy nhiên việc xem xét giao con cho bố hoặc mẹ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cần phải đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng của các bên đương sự. Qua xác minh tại địa phương thì được biết từ khi chị H bỏ đi cho đến nay thì cả 03 con chung của chị H và anh Đ đang chung sống cùng anh Đ và có sự hỗ trợ từ bố mẹ anh Đ trong việc chăm sóc các con, các cháu đều được đi học và phát triển bình thường. Về chỗ ở thì hiện nay anh Đ có nhà riêng đảm bảo về nơi ở ổn định cho các con, còn chị H từ khi vợ chồng ly thân thì ra ngoài ở trọ, hiện nay sống ở đâu không ai biết. Hơn nữa, cả ba cháu đều đã trên 07 tuổi và cùng có nguyện vọng được ở với anh Đ khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cả ba con chung cho anh Đ có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện

vọng của con. Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung các đương sự xác định không có; về nợ chung anh Đ xác định không có còn chị H không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này.

[5] Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn Đ, xử cho anh Lê Văn Đ và chị Trần Thị H được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao cả 03 con là Lê Trần Bảo T, sinh ngày 02/02/2008; Lê Trần Khánh L, sinh ngày 08/5/2011 và Lê Trần Nhã U, sinh ngày 30/12/2014 cho anh Lê Văn Đ có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con; Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Anh Lê Văn Đ phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0002988 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, anh Đ đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Như Quỳnh